

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt hỗ trợ Dự án liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ
lúa gạo trên địa bàn xã Ấn Tín, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh về chính sách liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2019-2025;

Căn cứ Quyết định số 64/2023/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND tỉnh ban hành quy định mức hỗ trợ thực hiện một số dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 280/TTr-SNNMT ngày 23/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hỗ trợ Dự án liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ lúa gạo trên địa bàn xã Ấn Tín, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định; cụ thể như sau:

1. Tên dự án: Dự án liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ lúa gạo trên địa bàn xã Ân Tín, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

2. Chủ trì dự án: Hợp tác xã nông nghiệp Ân Tín

- Người đại diện theo pháp luật: Bùi Long Xuân.
- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.
- Địa chỉ: Thôn Thanh Lương, xã Ân Tín, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.
- Giấy đăng ký kinh doanh số: 4100344202, do phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Hoài Ân cấp lần đầu 06/7/2017, thay đổi lần thứ 3 ngày 31/3/2023.

3. Các bên tham gia liên kết

3.1. Đơn vị tham gia liên kết: Hợp tác xã bún phở KICAFOODS

- Người đại diện: Lê Thị Cảnh.
- Chức vụ: Giám đốc.
- Giấy đăng ký kinh doanh số: 4101648274 do phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Hoài Ân cấp lần đầu ngày 08/11/2024.
- Địa chỉ: Thôn Hội Long, xã Ân Hảo Đông, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

3.2. Đơn vị tham gia liên kết: Công ty TNHH SPEVI FOOD

- Người đại diện: Đào Thị Thúc.
- Chức vụ: Giám đốc.
- Giấy đăng ký kinh doanh số: 4101632732, do phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 06/9/2023.
- Địa chỉ: thôn Hội Long, xã Ân Hảo Đông, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

3.3. Đơn vị tham gia liên kết: Hợp tác xã nông nghiệp Thanh niên Hoài Ân

- Người đại diện: Lê Quốc Lập.
- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.
- Giấy đăng ký kinh doanh số 4101576189, ngày cấp 07/10/2020.
- Địa chỉ: Thôn Gia Trị, xã Ân Đức, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

3.4. Đơn vị tham gia liên kết: Hợp tác xã nông nghiệp Phước Hưng

- Người đại diện: Trần Tăng Long.
- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.
- Giấy đăng ký kinh doanh số: 4100268304, do phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Tuy Phước cấp lần đầu ngày 22/4/1998, thay đổi lần thứ 9 ngày 26/6/2024.

- Địa chỉ: Thôn Tân Hội, xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

4. Số lượng nông dân tham gia liên kết: 637 hộ nông dân là thành viên của hợp tác xã (*có danh sách kèm theo*).

5. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết: Lúa, gạo (giống lúa ĐV108 và một số giống lúa khác nằm trong cơ cấu giống của tỉnh)

6. Quy mô liên kết: Diện tích sản xuất 106,556 ha.

7. Địa bàn thực hiện: Trên địa bàn xã xã Ân Tín (thôn: Vạn Hội 1, Vạn Hội 2, Vĩnh Đức, Thanh Lương, Năng An), huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

8. Thời gian triển khai thực hiện: 03 năm, từ tháng 11/2024 đến tháng 11/2027 (2 vụ sản xuất/năm x 03 năm, từ vụ Đông Xuân 2024-2025 đến hết vụ Hè Thu năm 2027).

9. Cơ quan quản lý dự án: UBND huyện Hoài Ân.

10. Mục tiêu dự án

10.1. Mục tiêu chung

Hình thành chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ lúa gạo bền vững với quy mô phù hợp, áp dụng đồng bộ quy trình kỹ thuật giúp ổn định năng suất, chất lượng sản phẩm hình thành vùng sản xuất hàng hóa; tăng thu nhập cho thành viên hợp tác xã; nâng cao năng lực tổ chức sản xuất của hợp tác xã; tạo vùng nguyên liệu ổn định cho bên tiêu thụ; xây dựng mối quan hệ hợp tác giữa các bên tham gia liên kết.

10.2. Mục tiêu cụ thể

- Giữ vững diện tích liên kết 106,556 ha, sản xuất ổn định 2 vụ/năm; năng suất lúa bình quân vụ Đông Xuân đạt từ 72 tạ/ha/vụ trở lên, vụ Hè Thu đạt 68 tạ/ha/vụ trở lên.

- Sản lượng lúa tươi tiêu thụ cho thành viên hợp tác xã tham gia liên kết thông qua dịch vụ tiêu thụ tập trung của hợp tác xã đạt từ 1.011 tấn/năm trở lên (tối thiểu đạt 60% sản lượng lúa tươi thu hoạch).

- Cung ứng nông sản thị trường mỗi năm 300 tấn lúa khô và 260 tấn gạo thông qua hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Tổ chức 02 đợt tập huấn cho 2 vụ sản xuất Hè Thu năm 2025 Đông Xuân vụ Đông Xuân 2025-2026 để hướng áp dụng quy trình thâm canh lúa cải tiến (SRI) cho các giống lúa thuần, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) đối với một số dịch hại chủ yếu cho 637 hộ thành viên hợp tác xã trực tiếp tham gia dự án.

- Đem lại hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập bán lúa tươi cho các hộ thành viên tham gia dự án cao hơn 13-14% so với bên ngoài; tạo việc làm mới cho ít nhất 04-06 lao động thường xuyên trong hợp tác xã.

- Đầu tư máy móc thiết bị phục vụ chế biến lúa gạo để hoàn thiện chuỗi giá trị lúa gạo từ sản xuất đến tiêu thụ, thực hiện phương án sản xuất kinh doanh theo hướng nông sản hàng hóa, phát huy năng lực của hợp tác xã và tối đa hóa lợi ích của thành viên.

11. Tổng kinh phí, cơ cấu nguồn vốn

11.1. Tổng kinh phí thực hiện dự án trong 03 năm (từ tháng 11/2024 đến tháng 11/2027): 13.156.021.000 đồng (Mười ba tỷ một trăm năm mươi sáu triệu không trăm hai mươi một ngàn đồng), bao gồm:

- a) Nhà nước hỗ trợ: 2.677.981.000 đồng.
- b) Đối ứng của Hợp tác xã: 374.400.000 đồng.
- c) Đối ứng của nông dân: 10.103.640.000 đồng.

11.2. Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ

Từ nguồn vốn ngân sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (Chương trình MTQG XDNTM) giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định, cụ thể:

- Vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG XDNTM: Hỗ trợ tư vấn xây dựng dự án liên kết, tập huấn, lúa giống, vật tư nông nghiệp cho Chủ trì dự án và nông dân.

- Vốn đầu tư thực hiện Chương trình MTQG XDNTM (Quyết định số 3204/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025): Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết (Máy móc, thiết bị phục vụ chế biến gạo) cho Chủ trì dự án.

12. Nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong năm 2025

12.1. Chi tiết nội dung hỗ trợ của Nhà nước

a) Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng Dự án liên kết: 59.850.000 đồng (Hỗ trợ 100% theo Điều 5 Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh), cụ thể:

- Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Thương mại – Kỹ thuật và Dịch vụ Đất Xanh.

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 10/2024 đến tháng 8/2025.

- Thời gian hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước: Năm 2025.

- Nguồn vốn thực hiện: Vốn ngân sách thực hiện Chương trình MTQG XDNTM trên địa bàn tỉnh.

b) Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết

- Nội dung: Hỗ trợ kinh phí đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ chế biến gạo: 353.600.000 đồng (Hỗ trợ 80% theo Khoản 4 Mục III Chương trình hỗ trợ phát

triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 kèm theo Quyết định số 3204/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh).

- Địa điểm: Tại xưởng chế biến của Hợp tác xã nông nghiệp Ân Tín.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025.

c) Hỗ trợ tập huấn (02 đợt, mỗi đợt 06 ngày): 246.360.000 đồng (*Hỗ trợ 100% theo Khoản 2, Điều 7 Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh*), cụ thể:

- Nội dung tập huấn: Tập huấn hướng dẫn áp dụng quy trình thâm canh lúa cải tiến (SRI) cho các giống lúa thuần, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) đối với một số dịch hại chủ yếu.

- Đối tượng, số lượng tham gia: Hộ nông dân tham gia liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ lúa gạo thuộc các thôn Vạn Hội 1, Vạn Hội 2, Vĩnh Đức, Thanh Lương, Năng An của xã Ân Tín, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định (637 người).

- Địa điểm: Trên địa bàn huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- Thời gian: Đợt 01 trong thời gian sản xuất Vụ Hè Thu năm 2025 (tháng 05/2025); đợt 2 trước khi sản xuất vụ Đông Xuân 2025 -2026 (tháng 11/2025).

d) Hỗ trợ giống, vật tư nông nghiệp cho nông dân: 2.018.171.000 đồng (*Hỗ trợ 50% theo Khoản 3, Điều 7 Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh*), cụ thể:

- Hỗ trợ lúa giống cho 02 vụ (Hè Thu năm 2025 và Đông Xuân năm 2025-2026): 157.703.000 đồng (Định mức: 80 kg/ha; Đơn giá: 18.500 đồng/kg; Loại giống: ĐV108 và một số loại giống lúa nằm trong cơ cấu giống của tỉnh), cụ thể:

+ Vụ Hè Thu năm 2025: $(106,556 \text{ ha} \times 80\text{kg/ha} \times 18.500 \text{ đồng/kg}) \times 50\% = 78.851.000 \text{ đồng}$.

+ Vụ Đông Xuân 2025-2026: $(106,556 \text{ ha} \times 80\text{kg/ha} \times 18.500 \text{ đồng/kg}) \times 50\% = 78.851.000 \text{ đồng}$.

- Hỗ trợ phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho 02 vụ (Hè Thu năm 2025 và vụ Đông Xuân năm 2025-2026): 1.860.468.000 đồng.

+ Loại vật tư, số lượng, định mức: Theo Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết tại khoản 7 Phụ lục I “Thâm canh lúa cải tiến (SRI) cho các giống lúa thuần trên địa bàn tỉnh Bình Định theo Quyết định số 4718/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh ban hành định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng cho các mô hình khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Định từ năm 2024 trở đi.

+ Diện tích hỗ trợ: 106,556 ha.

+ Thời gian và kinh phí hỗ trợ:

Vụ Hè Thu năm 2025: $(106,556 \text{ ha} \times 17.460.000 \text{ đồng/ha}) \times 50\% = 930.234.000 \text{ đồng}$.

Vụ Đông Xuân 2025-2026: $(106,556 \text{ ha} \times 17.460.000 \text{ đồng/ha}) \times 50\% = 930.234.000 \text{ đồng}$.

12.2. Phân kỳ kinh phí thực hiện qua các năm

a) Năm 2024 kinh phí thực hiện là 2.306.302.000 đồng (*Hai tỷ ba trăm lẻ sáu triệu ba trăm lẻ hai ngàn đồng*), bao gồm:

- Vốn hỗ trợ của Nhà nước: 0 đồng.
- Vốn đối ứng của các đối tượng tham gia liên kết: 2.306.302.000 đồng.
- + Vốn đối ứng của hợp tác xã: 286.000.000 đồng (Kinh phí mua máy móc thiết bị xay xát gạo).
- + Vốn đối ứng của nông dân: 2.020.302.000 đồng (Kinh phí mua giống, vật tư nông nghiệp).

b) Năm 2025 kinh phí thực hiện là 4.788.814.000 đồng (*Bốn tỷ bảy trăm tám mươi tám triệu tám trăm mười bốn ngàn đồng*), bao gồm:

- Vốn hỗ trợ của Nhà nước: 2.677.981.000 đồng.
- + Hỗ trợ tư vấn xây dựng dự án: 59.850.000 đồng.
- + Hỗ trợ tập huấn: 246.360.000 đồng.
- + Hỗ trợ giống, vật tư nông nghiệp cho nông dân: 2.018.171.000 đồng.
- + Hỗ trợ máy móc, thiết bị: 353.600.000 đồng.
- Vốn đối ứng của các đối tượng tham gia liên kết: 2.110.833.000 đồng.
- + Vốn đối ứng của hợp tác xã: 88.400.000 đồng (Kinh phí mua máy móc thiết bị phục vụ chế biến gạo).
- + Vốn đối ứng của nông dân: 2.022.433.000 đồng (Kinh phí mua giống, vật tư nông nghiệp).

c) Năm 2026 kinh phí thực hiện là 4.040.604.000 đồng (*Bốn tỷ không trăm bốn mươi triệu sáu trăm lẻ bốn ngàn đồng*), bao gồm:

- Vốn hỗ trợ của Nhà nước: 0 đồng.
- Vốn đối ứng của hợp tác xã, nông dân: 4.040.604.000 đồng.
- + Vốn đối ứng của hợp tác xã: 0 đồng.
- + Vốn đối ứng của nông dân: 4.040.604.000 đồng (Kinh phí mua giống, vật tư nông nghiệp).

d) Năm 2027 kinh phí thực hiện là 2.020.302.000 đồng (*Hai tỷ không trăm hai mươi triệu ba trăm lẻ hai ngàn đồng*), bao gồm:

- Vốn hỗ trợ của Nhà nước: 0 đồng.
- Vốn đối ứng của hợp tác xã, nông dân: 2.020.302.000 đồng.
- + Vốn đối ứng của hợp tác xã: 0 đồng.

+ Vốn đối ứng của nông dân: 2.020.302.000 đồng (Kinh phí mua giống, vật tư nông nghiệp).

13. Vốn lưu động của Hợp tác xã nông nghiệp Ân Tín (dự kiến thu mua lúa tươi trong 03 năm): **23.684.790.000 đồng** (Hai mươi ba tỷ sáu trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm chín mươi ngàn đồng).

14. Phương thức mua sắm và đầu mối thực hiện phương thức mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước

Giao Chủ trì dự án tự thực hiện việc mua sắm theo dự toán kinh phí được phê duyệt tại Quyết định này, có trách nhiệm cung cấp đầy đủ chứng từ liên quan trong việc thực hiện dự án cho Cơ quan quản lý dự án để thanh quyết toán và lưu giữ chứng từ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC; quy định tại tiết b3 điểm b khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội khoá XV về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

15. Quản lý tài sản sau hỗ trợ

Hợp tác xã nông nghiệp Ân Tín lập sổ theo dõi quản lý tài sản được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước sau hỗ trợ, trích khấu hao tài sản cố định theo quy định (nếu có). Hỗ trợ của nhà nước là tài sản không chia của hợp tác xã. Hợp tác xã tự trang trải chi phí cho vận hành, bảo dưỡng máy móc, thiết bị sau khi được đưa vào hoạt động

16. Phương án tài chính xử lý các rủi ro

Cơ quan quản lý dự án, Chủ trì dự án và các bên tham gia liên kết mời các cơ quan liên quan lập biên bản xác định mức độ thiệt hại đề xuất giải pháp xử lý.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Hoài Ân

a) Là cơ quan quản lý dự án, trên cơ sở Quyết định phê duyệt dự án giao phòng chuyên môn có liên quan có trách nhiệm: Ký hợp đồng với Chủ trì dự án để triển khai thực hiện; theo dõi, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn Chủ trì dự án triển khai thực hiện theo đúng mục tiêu của dự án; thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả, nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án theo tiến độ thực hiện của dự án được phê duyệt.

b) Giao phòng chuyên môn phối hợp với Chủ trì dự án tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả dự án; định kỳ 06 tháng (trước 15/6), cuối năm (trước 20/12) báo cáo kết quả thực hiện dự án; kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng

mắc trong quá trình thực hiện cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để hướng dẫn, báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết.

2. Hợp tác xã nông nghiệp Ân Tín

a) Là đơn vị Chủ trì thực hiện dự án; có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ nguồn lực, nhân lực, cơ sở vật chất, hướng dẫn các hộ tham gia liên kết thực hiện các nội dung đảm bảo đạt các mục tiêu dự án được phê duyệt; sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo đúng nội dung, mục đích, định mức theo quyết định phê duyệt dự án; chấp hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật, hoàn trả kinh phí cho ngân sách nhà nước khi không thực hiện đầy đủ các nội dung, tiến độ theo cam kết của dự án liên kết được phê duyệt. Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý dự án để được hướng dẫn thực hiện các hồ sơ, thủ tục hỗ trợ, nghiệm thu, thanh quyết toán kinh phí đúng quy định.

b) Thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa thương phẩm cho các hộ nông dân, thời hạn 03 năm (02 vụ/năm) theo đúng hợp đồng đã ký với Nhóm sản xuất từng thôn; xác định rõ số diện tích sản xuất lúa của từng thôn và sản lượng cần tiêu thụ.

c) Chuẩn bị lúa giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật để cung ứng kịp thời cho các hộ nông dân tham gia liên kết trong quá trình sản xuất. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nông dân tuân thủ quy trình kỹ thuật thâm canh lúa cải tiến (SRI) ban hành kèm theo Quyết định số 870/QĐ-SNN ngày 28/12/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đặc biệt phải tuân theo lịch thời vụ, áp dụng quy trình IPM vào sản xuất.

d) Chịu trách nhiệm huy động các nguồn lực đảm bảo đủ kinh phí đối ứng thực hiện các nội dung hỗ trợ; sử dụng đúng mục đích và vận hành, bảo quản các máy móc, trang thiết bị được hỗ trợ đúng quy định.

đ) Thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện dự án. Kịp thời báo cáo các vấn đề phát sinh, vướng mắc không giải quyết được báo cáo UBND xã Ân Tín, UBND huyện Hoài Ân để giải quyết hoặc hướng dẫn, báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

3. UBND xã Ân Tín

Phối hợp với Chủ trì dự án hướng dẫn các hộ nông dân tham gia dự án trên địa bàn triển khai thực hiện dự án đúng cam kết, thỏa thuận về quyền hạn, nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết đảm bảo tiến độ và thời gian hoàn thành của dự án.

4. Các bên tham gia liên kết (Hợp tác xã bún phở KICAFOODS, Công ty TNHH SPEVI FOOD, Hợp tác xã nông nghiệp Thanh niên Hoài Ân, Hợp tác xã nông nghiệp Phước Hưng)

Thực hiện đúng theo Hợp đồng liên kết chế biến và tiêu thụ lúa gạo đã ký kết với Hợp tác xã nông nghiệp Ân Tín. Đảm bảo đủ kinh phí để thanh toán giá trị đơn hàng theo tiến độ giao hàng của hợp đồng liên kết.

5. Hộ nông dân tham gia dự án

- Mỗi thôn tổ chức thành một Nhóm sản xuất, đại diện Nhóm sản xuất (Trưởng thôn) ký hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa thương phẩm với Hợp tác xã nông nghiệp Ân Tín và cam kết thực hiện đúng theo hợp đồng và nội dung của dự án; đảm bảo phần kinh phí đối ứng mua lúa giống, vật tư thiết yếu theo Quyết định phê duyệt dự án.

- Cam kết thực hiện đúng quy trình kỹ thuật thâm canh lúa cải tiến (SRI) ban hành kèm theo Quyết định số 870/QĐ-SNN ngày 28/12/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm lúa an toàn và ổn định, đặc biệt phải tuân theo lịch thời vụ, áp dụng quy trình IPM vào sản xuất.

- Đảm bảo cung cấp sản phẩm lúa tươi cho Hợp tác xã nông nghiệp Ân Tín theo đúng số lượng, chất lượng và thời hạn đã cam kết.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Công Thương, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND huyện Hoài Ân; Chánh Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn; Giám đốc Hợp tác xã nông nghiệp Ân Tín; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và các hộ nông dân tham gia liên kết chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC
TỔNG HỢP NỘI DUNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN LIÊN KẾT SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN
VÀ TIÊU THỤ LÚA GẠO TRONG 03 NĂM (THÁNG 11/2024 ĐẾN THÁNG 11/2027)
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ ÂN TÍN, HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / 2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Giai đoạn 2024-2027			Năm 2024	Năm 2025			Năm 2026	Năm 2027	Ghi chú
		Tổng	Nhà nước hỗ trợ	Đối ứng (HTX/Hộ TV)	Đối ứng (HTX/Hộ TV)	Tổng	Nhà nước hỗ trợ	Đối ứng (HTX/Hộ TV)	Đối ứng (HTX/Hộ TV)	Đối ứng (HTX/Hộ TV)	
1	Tư vấn xây dựng liên kết	59,850	59,850	-	-	59,850	59,850	-	-	-	
2	Tập huấn kỹ thuật	246,360	246,360	-	-	246,360	246,360	-	-	-	
3	Giống, vật tư thiết yếu	12.121,811	2.018,171	10.103,640	2.020,302	4.040,604	2.018,171	2.022,433	4.040,604	2.020,302	Đối ứng hộ nông dân 50%
-	Lúa giống	946,217	157,703	788,514	157,703	315,406	157,703	157,703	315,406	157,703	
-	Vật tư thiết yếu	11.175,593	1.860,468	9.315,126	1.862,599	3.725,198	1.860,468	1.864,730	3.725,198	1.862,599	
4	Hạ tầng phục vụ liên kết (Công trình: Xưởng chế biến lúa - gạo, hạng mục máy móc, thiết bị)	728,000	353,600	374,400	286,000	442,000	353,600	88,400	-	-	Đối ứng Hợp tác xã 20%
	Tổng cộng	13.156,021	2.677,981	10.478,040	2.306,302	4.788,814	2.677,981	2.110,833	4.040,604	2.020,302	

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỘ NÔNG DÂN
THAM GIA DỰ ÁN LIÊN KẾT SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN VÀ TIÊU THỤ
LÚA GẠO TRÊN ĐỊA BÀN XÃ AN TÍN, HUYỆN HOÀI AN, TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

STT	Họ và tên		Số CCCD	Địa chỉ sản xuất	Diện tích tham gia (ha)	Tục danh xứ đồng
1	Lê Thị	A	052154009944	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,2338	Đồng máng
2	Nguyễn Thị	Ba	052136010011	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,0950	Đồng máng
3	Huỳnh Văn	Ba	052066025893	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,0960	Máng trên
4	Huỳnh Văn	Biên	052066024098	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,0730	Đồng máng
5	Phan Thị	Cải	052155012724	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,2220	Đồng máng, cây giăng
6	Đặng Văn	Chánh	052065017575	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,0868	Máng trên
7	Lê Thị	Chát	052150000748	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,2320	Máng trên
8	Bùi Văn	Chín	052067009913	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,0666	Máng trên
9	Phan Văn	Chung	052064009987	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,1020	Máng trên
10	Lê Thị	Cúc	052174002504	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,1391	Đồng máng, Máng trên
11	Lê Thị	Cúc	052172021705	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,0940	Cây giăng
12	Từ Thị	Đệ	052151005708	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,1040	Máng trên
13	Đỗ Thị	Đệt	052171016259	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,0860	Đồng máng
14	Võ Canh	Điện	052074008367	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,0595	Đồng máng
15	Trần Quang	Đỏ	052076002211	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,1790	Máng dưới
16	Võ Minh	Đức	052042003281	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,1030	Máng trên
17	Trần Thị	Hiệp	052173016728	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,0550	Đồng máng
18	Thái Văn	Hiếu	052067007820	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,0500	Đồng máng
19	Diệp Bảo	Hoà	052067007658	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,0550	Đồng máng
20	Nguyễn Thị	Hương	052171010921	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,0690	Máng trên
21	Nguyễn	Hường	052033001457	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,1120	Đồng máng
22	Võ Văn	Khuong	052046004592	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,0960	Máng trên
23	Phạm Thị	Lân	052159006659	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,0510	Máng trên
24	Trương Thị	Lang	052165013142	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,0900	Máng trên

STT	Họ và tên		Số CCCD	Địa chỉ sản xuất	Diện tích tham gia (ha)	Tục danh xứ đồng
25	Nguyễn Thị	Miên	052177005351	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,1080	Máng trên
26	Nguyễn Minh	Nam	052055008287	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,0700	Đồng máng
27	Lê Thị	Ngọc	052149004714	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,1320	Đồng máng
28	Lê Thanh	Nhàn	052060010292	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,3020	Máng trên, Máng dưới, đồng máng
29	Võ Thị	Nhi	052175016196	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,1020	Máng trên
30	Phan Quốc	Phong	052081012640	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,0790	Máng trên
31	Đinh Thị	Phúc	052164008131	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,0715	Đồng máng
32	Nguyễn Văn	Phúc	052175006807	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,1290	Máng trên
33	Nguyễn Thị	Phụng	064175005212	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,0790	Máng trên
34	Phan Thị Quế	Phương	052156003083	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,3060	Đồng máng, Mán hạ
35	Võ Hồng	Quang	052079022340	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,0570	Đồng máng
36	Huỳnh Văn	Quang	052076002213	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,1020	Máng trên, đồng máng
37	Trần Duy	Quốc	052074005395	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,1025	Máng trên, đồng máng
38	Nguyễn Văn	Sâm	052064011269	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,1925	Máng trên
39	Võ Văn	Sang	052050007832	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,0680	Máng trên
40	Huỳnh	Sáu	052077012614	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,0540	cây giăng
41	Lâm Duy	Sơn	052072002490	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,0610	Ruộng gò
42	Lê Thanh	Sỹ	052065012706	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,1490	Máng trên
43	Trần Văn	Thân	052054003296	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,1230	Máng trên
44	Lưu	Thị	052183013074	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,0600	Máng trên
45	Trần Văn	Thìn	052051004540	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,1340	Máng trên
46	Phạm Thị	Thơm	052162006675	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,0930	Đồng máng
47	Huỳnh Thị	Thức	052164008676	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,1640	Máng trên
48	Lê Minh	Toàn	052074014179	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,1105	Đồng máng, Máng trên
49	Lê Thanh	Trung	052076018589	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,0720	Máng trên
50	Lâm Duy	Tùng	052074012856	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,0960	Máng trên
51	Nguyễn Ngọc	Vĩ	052084016761	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,0900	Máng trên
52	Nguyễn Văn	Xi	052053003298	Đội 1 - Vạn Hội 1	0,1625	Đồng máng, cây giăng
53	Lê Minh	An	052070019280	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,1520	Mán hạ

STT	Họ và tên		Số CCCD	Địa chỉ sản xuất	Diện tích tham gia (ha)	Tục danh xứ đồng
54	Nguyễn Quốc	Chính	040955003745	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,0590	Trổ cao
55	Nguyễn Đức	Chớ	052073016958	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,1245	Cây Giăng, Trổ cao
56	Trần Thị	Công	052173010052	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,0810	Mán hạ
57	Võ Thành	Công	052074020356	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,2110	Ruộng gò
58	Đoàn Quốc	Cường	052068003797	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,3070	Trổ cao, cây giăng
59	Trần Đại	Đánh	052086015476	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,3155	Ruộng gò, cây giăng
60	Trần Văn	Đạt	052072003171	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,1380	Cây giăng
61	Nguyễn Thị	Đến	052175002321	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,0495	Mán hạ
62	Nguyễn Thanh	Diệp	052066002210	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,0400	Mán hạ
63	Huỳnh	Định	052064001825	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,1295	Mán hạ
64	Võ Văn	Dung	052065001899	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,2880	Cây giăng
65	Phạm Văn	Dũng	052071002152	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,1230	Mán hạ
66	Huỳnh	Dũng	052071017306	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,1120	Cây giăng
67	Nguyễn Văn	Đụng	052066018582	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,2870	Cây giăng, Ruộng gò
68	Võ Văn	Duy	052061004235	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,1140	Trổ cao, Ruộng gò
69	Đỗ Thị	Hà	052165001627	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,0960	Mán hạ
70	Hà Như Đông	Hải	052063012928	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,1660	Mán hạ
71	Võ Thị	Hải	052194001417	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,1157	Mán hạ
72	Hoàng Thị Bích	Hạt	052168002374	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,0880	Mán hạ
73	Huỳnh Thị	Hoa	052179016986	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,0960	Cây giăng
74	Đỗ Thị	Hồng	040162004569	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,0980	Mán hạ, Máng thượng
75	Cao Mộng	Hồng	052084013314	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,1950	Trổ cao
76	Hoàng Văn	Hùng	052071011011	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,0960	Mán hạ
77	Nguyễn Văn	Hùng	052067009334	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,0665	Cây giăng
78	Đỗ Thị	Hương	052176020994	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,2012	Mán hạ
79	Phạm Thị	Hương	052162005065	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,2380	Cây giăng
80	Trần Trọng	Huy	052087018029	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,2670	Cây giăng, Ruộng gò
81	Nguyễn Văn	Kiệm	052067006194	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,1850	Cây giăng
82	Võ Thị Thúy	Kiều	052181013455	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,1110	Cây giăng

STT	Họ và tên	Số CCCD	Địa chỉ sản xuất	Diện tích tham gia (ha)	Tục danh xứ đồng
83	Trần Văn Kỹ	052066030556	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,3415	Cây giăng
84	Nguyễn Văn Lanh	052063001696	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,5185	Cây giăng, Ruộng gò
85	Huỳnh Văn Lê	052054001391	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,0720	Mán hạ
86	Trần Thị Lệ	052185012821	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,2890	Mán hạ, đồng máng
87	Võ Thị Liên	052165008033	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,1325	Cây giăng, Trổ cao
88	Nguyễn Văn Long	052065011303	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,2225	Cây giăng
89	Đoàn Phi Long	052070014543	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,1350	Ruộng gò, Cây giăng
90	Nguyễn Văn Lực	052072002497	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,1280	Ruộng gò
91	Lê Thị Lý	052188002783	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,1810	Cây giăng
92	Lê Thị Mai	052163005373	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,0560	Mán hạ
93	Đỗ Trọng Mân	052069012145	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,1280	Mán hạ
94	Nguyễn Trọng Mật	052081001943	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,1720	Cây giăng
95	Nguyễn Văn Mau	052075002078	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,3065	Trổ cao, Ruộng gò
96	Hồng Văn Minh	052072020688	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,1330	Mán hạ
97	Lê Văn Mười	052062005279	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,0960	Cây giăng
98	Võ Thị Mỹ	051177019071	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,2455	Trổ cao, Cây giăng
99	Huỳnh Hữu Nam	052054010180	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,2050	Cây giăng
100	Nguyễn Thị Năm	052172002321	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,0780	Mán hạ
101	Nguyễn Thị Nga	052141006180	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,1180	Mán hạ
102	Phạm Thị Ngọc	052152005030	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,1100	Ruộng gò
103	Trần Thanh Nguyên	052086006018	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,1370	Cây giăng, Trổ cao
104	Đỗ Thị Nhân	052165013164	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,0485	Mán hạ
105	Hoàng Thị Nhạn	052174009945	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,0440	Mán hạ
106	Mai Văn Nhì	052057008242	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,0450	Mán hạ
107	Nguyễn Văn Nhị	052067003581	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,1440	Mán hạ
108	Phan Thị Nhờ	052161001657	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,1145	Mán hạ
109	Phan Thị Oì	052165006916	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,0630	Mán hạ
110	Trần Văn Phí	052050000908	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,2945	Cây giăng
111	Nguyễn Hồng Phong	052069015765	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,0845	Mán hạ

STT	Họ và tên	Số CCCD	Địa chỉ sản xuất	Diện tích tham gia (ha)	Tục danh xứ đồng
112	Nguyễn Thị Phước	052156004481	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,2705	Cây giăng
113	Nguyễn Thị Phước	052172033151	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,3200	Ruộng gò, cây giăng
114	Nguyễn Thị Phương	052070008102	Đội 4 - Vạn Hội 1	2,7500	Ruộng soi
115	Nguyễn Văn Rừng	052074019828	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,1300	Mán hạ
116	Nguyễn Văn Sang	052068014922	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,0750	Mán hạ
117	Đặng Thị Sinh	052180015397	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,1840	Mán hạ
118	Nguyễn Thái Sơn	052064016306	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,1060	Mán hạ
119	Lê Thị Sự	052167012435	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,1220	Đồng máng
120	Dương Thị Tám	052170021717	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,1015	Cây giăng
121	Võ Thị Tám	052157005385	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,1030	Cây giăng
122	Lê Hữu Tân	052053002779	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,0620	ruộng gò
123	Nguyễn Văn Tấn	052070006545	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,2355	Cây giăng
124	Nguyễn Ngọc Tào	052066024425	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,4300	Mán hạ
125	Đinh Thị Thâm	052164001728	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,1015	Cây giăng
126	Huỳnh Đức Thông	052055008809	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,1140	Mán hạ
127	Phạm Minh Thông	052060015784	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,1700	Mán hạ
128	Hồ Văn Thu	052072019911	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,0770	Mán hạ
129	Huỳnh Anh Thuận	052078008845	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,1400	Mán hạ
130	Huỳnh Thị Thúy	052166009792	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,0400	Ruộng gò
131	Nguyễn Thị Thủy	052166011853	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,1370	Mán hạ
132	Võ Thị Thủy	052168006528	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,0970	Mán hạ
133	Tô Hồng Tiên	052076013425	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,2690	Cây giăng
134	Nguyễn Văn Tiết	052065018432	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,3500	Cây giăng, Ruộng gò
135	Võ Thị Tinh	052156009632	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,0700	Mán hạ
136	Nguyễn Thị Trầm	052191009646	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,0580	Mán hạ
137	Phạm Minh Tri	052064002185	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,2150	Đồng máng, Mán hạ
138	Nguyễn Văn Tuấn	052068014195	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,0350	Mán hạ
139	Nguyễn Thị Túc	052155010304	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,0525	Mán hạ
140	Nguyễn Thanh Tùng	052062004355	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,2460	Cây giăng, Ruộng gò
141	Thái Thị Thu Tuyết	052174005340	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,1400	Trổ cao

STT	Họ và tên	Số CCCD	Địa chỉ sản xuất	Diện tích tham gia (ha)	Tục danh xứ đồng
142	Nguyễn Văn Vệ	052071002151	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,2556	Cây giăng; Trổ cao
143	Võ Văn Vũ	052078009660	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,0680	Trổ cao
144	Võ Văn Vỹ	052076015314	Đội 7 - Vạn Hội 1	0,1725	Cây giăng, Trổ cao
145	Đinh Văn Xuân	052069006448	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,0880	Mán hạ
146	Hoàng Thị Phi Yến	052165001748	Đội 4 - Vạn Hội 1	0,0590	Mán hạ
147	Cao Văn A	052060011984	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1580	Vùng thượng, Vùng hạ
148	Trần Đình Ân	052084008138	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1250	Vùng hạ
149	Phan Thị Ánh	052169009967	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1790	Mắc Mèo, Đồng đèo, vùng thượng
150	Đinh Xuân Ba	052064011115	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,0945	Vùng thượng
151	Trần Văn Bảo	052064150029	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1590	Mắc mèo, Vùng hạ
152	Hà Văn Bảy	052052007437	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,0930	Vùng Hạ
153	Cao Văn Bình	052076007943	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,0500	Vùng thượng
154	Huỳnh Quang Chánh	052064002543	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,3054	Đồng Lầy, Vùng thượng, Vùng hạ, Đồng đèo
155	Nguyễn Văn Châu	052075017584	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,0530	Mắc mèo
156	Đặng Văn Chung	052072008777	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,0660	Đồng Lầy
157	Trần Văn Chương	052072014125	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1560	Đồng Lầy
158	Nguyễn Văn Cường	052058003178	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1290	Mắc mèo, đồng lầy
159	Trang Đình Cường	052053002796	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,0550	Đồng Lầy, Mắc mèo
160	Huỳnh Công Đáng	052067008453	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1140	Mắc mèo
161	Huỳnh Thị Dậy	052169016016	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,2920	Vùng thượng, Mắc mèo, Đồng đèo
162	Nguyễn Thanh Đô	052080012593	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,2140	Vùng thượng, Mắc mèo, Đồng đèo
163	Huỳnh Văn Đông	052051003390	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,3405	Đồng Lầy, Mắc mèo, Vùng thượng
164	Bùi Long Đức	052046004007	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,2140	Mắc mèo
165	Hà Công Đức	052087018706	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1175	Mắc mèo, Vùng hạ
166	Phan Văn Dũng	052068018520	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1520	Vùng thượng

STT	Họ và tên	Số CCCD	Địa chỉ sản xuất	Diện tích tham gia (ha)	Tục danh xứ đồng
167	Nguyễn Văn Dũng	052067011112	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,3310	Mắc mè, Vùng hạ, Đồng lầy, Đồng đèo
168	Nguyễn Văn Dương	052085018507	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1130	Vùng hạ
169	Huỳnh Văn Hải	052076011115	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1850	Đồng Lầy
170	Nguyễn Văn Hải	052051007194	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,2450	Vùng hạ
171	Đỗ Thị Hạnh	052156007159	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,3840	Đồng Lầy, Mắc mè, Vùng hạ, đồng đèo
172	Trang Đình Hậu	052065009384	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,2440	Mắc mè, Đồng đèo, Mắc mè
173	Phạm Thị Hẹ	052168005886	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1280	Mắc mè
174	Nguyễn Thị Hòa	052168012779	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1620	Vùng thượng, Mắc mè
175	Nguyễn Văn Hoàng	052072015748	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,0590	Mắc Mè
176	Nguyễn Văn Hoàng	052072015758	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1190	Mắc mè, Đồng lầy
177	Huỳnh Thị Kim Hoanh	052180017361	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,2645	Đồng Lầy, Vùng thượng, Mắc mè
178	Nguyễn Thị Huệ	052163003923	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,0570	Đồng Lầy
179	Nguyễn Bá Hùng	052007011101	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1995	Mắc mè
180	Hà Văn Huy	052098003687	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1550	Đồng Lầy, Mắc mè
181	Huỳnh Công Khải	052073013533	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,2210	Vùng Hạ, Máng thượng
182	Huỳnh Kiện	052091017352	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1240	Vùng Hạ, Mắc mè
183	Nguyễn Phi Long	052053006422	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1220	Vùng hạ
184	Huỳnh Lung	052045004330	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1660	Vùng Hạ
185	Võ Thị Lũy	052144003170	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,3600	Vùng thượng, Mắc mè
186	Hờ Văn Minh	052063012986	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,2520	Vùng Hạ, Đồng lầy, Đồng đèo mắc mè
187	Đỗ Thị Mười	052153007405	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,0602	Vùng thượng
188	Nguyễn Ngọc Mỹ	052083012921	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,3840	Vùng hạ, Đồng lầy, Đồng đèo
189	Huỳnh Văn Nam	052066029570	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1760	Mắc mè
190	Nguyễn Thị Nga	052150005818	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,2130	Vùng thượng, Vùng hạ, đồng đèo
191	Huỳnh Thị Nghệ	052186012073	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1240	Vùng hạ

STT	Họ và tên	Số CCCD	Địa chỉ sản xuất	Diện tích tham gia (ha)	Tục danh xứ đồng
192	Huỳnh Văn Nghĩa	052083021134	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,2500	Vùng thượng, Mắc mềo, Đồng đèo
193	Nguyễn Văn Nguyên	052074020656	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1230	Mắc mềo
194	Nguyễn Nhân	052148006639	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1000	Mắc mềo
195	Nguyễn Văn Nhanh	052064014000	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,2150	Mắc mềo, Đồng lầy, Đồng đèo
196	Đặng Văn Nhật	052082004666	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,0295	Đồng lầy
197	Nguyễn Thị Nhì	052157007662	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1400	Vùng thượng, Mắc mềo
198	Nguyễn Thị Nhờ	052081013679	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,3360	Vùng hạ, Đồng lầy, đồng đèo
199	Nguyễn Thị Phận	052154009614	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1880	Vùng Hạ
200	Trang Đình Quốc	052055009255	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,3360	Đồng Lầy, Mắc mềo
201	Huỳnh Ngọc Sang	052071012665	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1110	Mắc mềo
202	Cao Văn Tâm	052064018728	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,2190	Vùng Hạ
203	Phạm Thị Thân	052155005866	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,3060	Mắc mềo, Vùng hạ
204	Nguyễn Văn Thanh	052079004063	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1280	Vùng thượng, Vùng hạ
205	Nguyễn Văn Thành	052046004284	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1980	Mắc mềo, Đồng Lầy
206	Đặng Văn Thạnh	052070010577	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,0690	Mắc mềo
207	Đặng Văn Thông	052070017625	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,2120	Vùng Hạ, Mắc mềo, Đồng đèo
208	Trần Văn Thu	052071018551	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,0860	Mắc mềo
209	Đào Thị Thủ	052165007007	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,0450	Mắc mềo
210	Đinh Văn Thủy	052070013495	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,2070	Vùng hạ
211	Nguyễn Văn Tiến	052076016580	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1005	Vùng hạ, Đồng lầy
212	Đinh Xuân Tiết	052069004686	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1290	Mắc mềo
213	Nguyễn Văn Tin	052073002237	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,2330	Mắc mềo, Đồng lầy, Đồng đèo
214	Thái Văn Trị	052063012073	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,2665	Vùng hạ
215	Phạm Văn Triều	052075007286	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1585	Vùng thượng, Mắc mềo
216	Đinh Xuân Trinh	052039001979	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1026	Mắc mềo, Vùng thượng
217	Phạm Thị Trọng	052174004935	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1350	Mắc mềo, Vùng thượng

STT	Họ và tên	Số CCCD	Địa chỉ sản xuất	Diện tích tham gia (ha)	Tục danh xứ đồng
218	Trần Văn Trung	052053007585	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1000	Mắc mèo
219	Nguyễn Quốc Truyền	052070007907	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,1020	Mắc Mèo
220	Đinh Thị Thu Vân	052159006597	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,0720	Vùng thượng
221	Huỳnh Công Văn	052066030146	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,0800	đồng lầy
222	Huỳnh Quốc Việt	052067010709	Đội 3 - Vạn Hội 2	0,0867	Mắc mèo
223	Hồ Văn Bay	052061007606	Đội 5 - Vạn Hội 2	0,3190	Vùng hạ
224	Cao Văn Đông	048068001751	Đội 5 - Vạn Hội 2	0,1150	Trâm ngoài
225	Trương Vĩnh Tuấn	052076010251	Đội 5 - Vạn Hội 2	0,1060	Trâm ngoài, Trâm trong
226	Nguyễn Thị Út	052172027365	Đội 5 - Vạn Hội 2	0,1295	Mắc mèo, Vùng hạ
227	Hồ Thị Bảy	052170008862	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,2200	Trâm trong , Trâm ngoài
228	Võ Văn Bé	052078018130	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,2470	Trâm ngoài, Trâm trong
229	Nguyễn Thị Bên	052155005733	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,4370	Trâm trong
230	Võ Văn Bình	052075019543	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,1235	Trâm ngoài
231	Đinh Văn Bình	052076019527	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,0970	Trâm trong
232	Ngô Thị Bình	052164007519	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,0940	Trâm trong
233	Đinh Thị Chấn	052141006716	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,0910	Trâm ngoài
234	Nguyễn Văn Châu	052076007400	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,0500	Trâm trong
235	Nguyễn Văn Chiêu	052054005691	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,1830	Trâm trong
236	Đặng Nguyên Cử	052046000583	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,3055	Trâm trong , Trâm ngoài
237	Hà Văn Đạo	052067015950	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,2210	Trâm trong
238	Trần Văn Diệp	052049003093	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,1455	Trâm ngoài, Trâm trong
239	Võ Thị Diệu	052143007344	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,0880	Trâm trong
240	Đỗ Văn Định	052059008454	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,2410	Trâm trong, Trâm ngoài
241	Hà Văn Du	052064002049	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,2827	Trâm trong
242	Đặng Văn Đức	052072018902	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,0670	Trâm trong
243	Hồ Văn Dũng	052075013212	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,2705	Trâm trong
244	Võ Văn Dũng	052074011113	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,0550	Trâm ngoài
245	Võ Thị Hà	052166011059	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,0750	Trâm trong
246	Nguyễn Minh Hải	052070006391	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,2325	Trâm ngoài

STT	Họ và tên		Số CCCD	Địa chỉ sản xuất	Diện tích tham gia (ha)	Tục danh xứ đồng
247	Đinh Xuân	Hòa	052059001006	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,1410	Trâm trong
248	Lê Văn	Hội	052063016158	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,0620	Trâm ngoài
249	Phạm Thị Ngân	Hồng	052190002653	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,1100	Trâm ngoài
250	Lê Văn	Hung	052066020944	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,2255	Trâm trong , Trâm ngoài
251	Nguyễn Thị	Hung	052116011984	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,1180	Trâm trong
252	Nguyễn Thị	Hương	052157003550	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,1500	Trâm trong
253	Đặng Văn	Hương	052048005642	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,1890	Trâm trong
254	Đặng Hồng	Huy	052057017751	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,3350	Trâm trong
255	Đặng văn	Khải	052070007701	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,0880	Trâm ngoài
256	Ngô Thị	Khéo	052136002540	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,1220	Trâm trong
257	Đinh Thị	Lang	052168020961	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,2130	Trâm trong, Trâm ngoài
258	Hoàng Văn	Lên	052060008133	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,2930	Trâm trong, Trâm ngoài
259	Nguyễn Thị	Lùng	052161008344	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,2526	Trâm ngoài, Trâm trong
260	Lê Ngọc	Lương	052071004670	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,1240	Trâm trong
261	Lê Thị	Luyến	052138001933	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,0540	Trâm trong
262	Trương Thanh	Mạnh	052060010336	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,2600	Trâm trong , Trâm ngoài
263	Võ Văn	Nam	052075015542	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,3000	Trâm ngoài, Trâm trong
264	Trương Quang	Phụ	052066002185	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,2220	Trâm trong
265	Lê Thị	Phúc	052150007246	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,1200	Trâm trong
266	Đặng Văn	Phước	052067004028	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,2240	Trâm trong
267	Lê Thị	Phương	052165014748	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,1900	Trâm trong
268	Đặng Văn	Quý	052056005276	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,2120	Trâm trong
269	Hồ Minh	Sách	052083017493	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,2880	Trâm ngoài
270	Trương Thái	Sơn	052087005894	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,1320	Trâm trong , Trâm ngoài
271	Lê Văn	Tâm	052083009574	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,1150	Trâm ngoài
272	Trần Thị	Tâm	052169013941	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,1540	Trâm ngoài, Trâm trong
273	Trần Văn	Tân	052077018895	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,3220	Trâm ngoài, Trâm trong
274	Đặng Văn	Thân	052082005491	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,2160	Trâm trong

STT	Họ và tên	Số CCCD	Địa chỉ sản xuất	Diện tích tham gia (ha)	Tục danh xứ đồng
275	Trần Thị Thanh	052150009821	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,0580	Trâm trong
276	Trương Quang Thành	052068013750	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,1100	Trâm trong
277	Đinh Văn Thảo	052073019686	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,0630	Trâm ngoài
278	Nguyễn Văn Tín	052071008456	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,2580	Trâm ngoài, Trâm trong
279	Phạm Văn Tín	052090002900	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,1560	Trâm ngoài
280	Hồ Văn Tính	052059002723	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,2240	Trâm ngoài, Trâm trong
281	Trần Thị Tốt	052165010768	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,1470	Trâm ngoài
282	Đinh Thị Trang	052172026409	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,1055	Trâm trong
283	Nguyễn Thị Trông	052170020728	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,1000	Trâm trong
284	Nguyễn Văn Truyền	052066021683	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,0430	Trâm trong
285	Trương Quang Tú	052078019052	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,1160	Trâm trong
286	Hồ Văn Tùng	052070014106	Đội 6 - Vạn Hội 2	0,1540	Trâm ngoài, Trâm trong
287	Thái Thị Chánh	052163010695	Đội 3 - Vĩnh Đức	0,2320	Vĩnh Ân
288	Nguyễn Văn Dũng	052066003210	Đội 3 - Vĩnh Đức	0,2535	Vĩnh Ân
289	Nguyễn Thị Mai	052144006022	Đội 3 - Vĩnh Đức	0,2315	Vĩnh Thạnh
290	Lê Thị Mới	052178013407	Đội 3 - Vĩnh Đức	0,0482	Vĩnh Ân
291	Trương Thị Nhân	052141005857	Đội 3 - Vĩnh Đức	0,0615	Vĩnh Thạnh
292	Nguyễn Thị Thu Thảo	052191005693	Đội 3 - Vĩnh Đức	0,0480	Vĩnh Thạnh
293	Trần Văn Bạn	052081013691	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,1630	Vĩnh Ân
294	Nguyễn Thị Bảy	024157001233	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,1183	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Ân
295	Lê Văn Cần	052068017534	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,1255	Vĩnh Ân
296	Trần Cận	052035003957	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,2085	Vĩnh Ân
297	Trần Chi	052079029192	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,0510	Vĩnh Ân
298	Huỳnh Văn Chớ	052049004255	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,1800	Vĩnh Ân
299	Trần Minh Cứ	052039004125	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,2290	Vĩnh Ân
300	Nguyễn Văn Cường	052070008631	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,2075	Vĩnh Ân
301	Nguyễn Cửu	052034003324	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,1135	Vĩnh Ân
302	Bùi Long Đê	052044004585	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,3360	Vĩnh Ân
303	Võ Đê	052040005208	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,0800	Vĩnh Ân
304	Võ Đình Đoàn	052073004783	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,2490	Vĩnh Ân

STT	Họ và tên		Số CCCD	Địa chỉ sản xuất	Diện tích tham gia (ha)	Tục danh xứ đồng
305	Nguyễn Văn	Đông	052079002354	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,0920	Vĩnh Ân
306	Nguyễn Đình	Duẩn	052081003898	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,2590	Vĩnh Ân
307	Nguyễn Đình	Dũng	052055008234	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,2070	Vĩnh Ân
308	Trương Văn	Hoa	052056004472	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,5425	Vĩnh Ân
309	Phan	Khuong	052067012149	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,2230	Vĩnh Ân
310	Lê Thị	Lang	052152005955	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,1120	Vĩnh Ân
311	Trương Công	Lực	052067008973	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,1120	Vĩnh Ân
312	Nguyễn Thị	Luyện	052154009022	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,2860	Vĩnh Ân
313	Nguyễn Xuân	Lý	052063039627	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,1210	Vĩnh Ân
314	Huỳnh Tấn	Nga	052045005307	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,1730	Vĩnh Ân
315	Trần Minh	Nghĩa	052074016336	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,1870	Vĩnh Ân
316	Võ Xuân	Nghĩa	052070002628	Đội 4 - Vĩnh Đức, Đội 9 - Năng An	0,2810	Vĩnh Ân, Phần cái
317	Phương Hồng	Nghiệp	052073022210	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,3250	Vĩnh Ân
318	Trần Minh	Ngọc	052070016228	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,1055	Vĩnh Ân
319	Phạm Thị	Ngọc	052129004805	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,1075	Vĩnh Ân
320	Trương Văn	Quê	052077019283	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,2195	Vĩnh Ân
321	Huỳnh Văn	Quốc	052068012705	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,1710	Vĩnh Ân
322	Nguyễn Đình	Quỳnh	052064018907	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,4215	Vĩnh Ân
323	Lê Văn	Rê	052068003860	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,1075	Vĩnh Ân
324	Nguyễn Đình	Sanh	052052007749	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,0885	Vĩnh Ân
325	Nguyễn Thành	Sinh	052052004558	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,0910	Vĩnh Ân
326	Lê Minh	Tân	052055004285	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,0900	Vĩnh Ân
327	Nguyễn Đình	Tấn	052063012211	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,1390	Vĩnh Ân
328	Nguyễn Đình	Tăng	052057003557	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,0600	Vĩnh Ân
329	Phạm Minh	Thái	052082013825	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,1510	Vĩnh Ân
330	Huỳnh	Thâm	052069008376	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,1560	Vĩnh Ân
331	Nguyễn Đình	Thanh	052069017024	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,2140	Vĩnh Ân
332	Trần Ngọc	Thành	052034003329	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,1130	Vĩnh Ân
333	Võ Ngọc	Thành	052078013014	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,1190	Vĩnh Ân
334	Huỳnh	Thông	052064016111	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,2640	Vĩnh Ân
335	Trương Quang	Thuận	052062008483	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,1055	Vĩnh Ân

STT	Họ và tên		Số CCCD	Địa chỉ sản xuất	Diện tích tham gia (ha)	Tục danh xứ đồng
336	Trần Thị	Thùy	052174008445	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,1240	Vĩnh Ân
337	Lê Văn	Toàn	052088017118	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,0450	Vĩnh Ân
338	Phạm Văn	Tồn	052068011870	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,0520	Vĩnh Ân
339	Trần Minh	Trí	052081013165	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,0520	Vĩnh Ân
340	Lê Văn	Triên	052065011226	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,1660	Vĩnh Ân
341	Lê Văn	Triên	052084005052	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,1530	Vĩnh Ân
342	Trần Minh	Trung	052070020511	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,1300	Vĩnh Ân
343	Huỳnh Hữu	Trường	052080006368	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,1900	Vĩnh Ân
344	Lê Văn	Tu	052068002259	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,2005	Vĩnh Ân
345	Trương quang	Tứ	052050004408	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,1050	Vĩnh Ân
346	Nguyễn Đình	Tuấn	052062007699	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,1630	Vĩnh Ân
347	Trương Thị	Tuyết	052165007990	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,1721	Vĩnh Ân
348	Nguyễn Thị	Vẽ	052137002111	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,1520	Vĩnh Ân
349	Huỳnh Tấn	Vinh	052077010189	Đội 4 - Vĩnh Đức	0,0315	Vĩnh Ân
350	Trần Minh	Ấn	052080017433	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1985	Vĩnh Thạnh
351	Huỳnh Thị	Bảy	052148002209	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1300	Vĩnh Thạnh
352	Huỳnh Thị	Bảy	052146002666	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1060	Vĩnh Thạnh
353	Huỳnh Thị	Bé	052145006832	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1090	Vĩnh Thạnh
354	Hà Văn	Bé	052068021673	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1150	Vĩnh Thạnh
355	Nguyễn Đình	Biết	052048002099	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,0700	Vĩnh Thạnh
356	Nguyễn Thị	Biểu	052153008346	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1340	Vĩnh Thạnh
357	Đặng Văn	Bình	052069012582	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,2120	Vĩnh Ân
358	Nguyễn Thị	Cân	052141004934	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,0810	Vĩnh Thạnh
359	Trương Quang	Chúc	052054009527	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,2310	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Ân
360	Sử Đồng	Danh	052078012300	Đội 5 - Vĩnh Đức, Đội 6 - Thanh Lương	0,1785	Vĩnh Thạnh, Cổ tự
361	Bùi Thị	Đi	052149003530	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1205	Vĩnh Ân
362	Nguyễn Thị	Định	052180006199	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1160	Vĩnh Ân
363	Trương Quang	Đức	052079039896	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,0480	Vĩnh Ân
364	Trương Quang	Dũng	052073002075	Đội 5 - Vĩnh Đức, Đội 6 - Thanh Lương	0,3525	Vĩnh Thạnh, Cổ tự

STT	Họ và tên	Số CCCD	Địa chỉ sản xuất	Diện tích tham gia (ha)	Tục danh xứ đồng
365	Nguyễn Thị Gái	052181015496	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1785	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Ân
366	Trần Thanh Hà	052068002263	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,3370	Vĩnh Thạnh
367	Sử Thị Hạ	056156006680	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,0930	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Ân
368	Nguyễn Thị Hải	030141002847	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1900	Vĩnh Ân
369	Lê Văn Hoa	052079026654	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,2170	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Ân
370	Trương Văn Hoa	052070010127	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,3575	Vĩnh Thạnh
371	Huỳnh Thị Hoa	052172020563	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,2065	Vĩnh Thạnh
372	Hồ Thái Hoàng	052068010749	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,0885	Vĩnh Thạnh
373	Đào Duy Hùng	052074021807	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1960	Vĩnh Thạnh
374	Lê Thị Hương	052171014820	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,2715	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Ân
375	Lê Thị Huyền	052179014542	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1960	Vĩnh Thạnh
376	Hồ Quang Khanh	052077016285	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,3620	Vĩnh Thạnh
377	Phan Đình Khương	052064009947	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1795	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Ân
378	Trương Quang Kiểm	052072010602	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1450	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Ân
379	Nguyễn Thị Lạc	052168014205	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,0450	Vĩnh Ân
380	Phan Đình Lâm	052073020773	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1250	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Ân
381	Nguyễn Đình Lâm	052062013456	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,2035	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Ân
382	Nguyễn Thị Lang	052165011572	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,0980	Vĩnh Thạnh
383	Nguyễn Thị Lệ	052138001899	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1150	Vĩnh Thạnh
384	Huỳnh Thị Liên	052144007042	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,0740	Vĩnh Thạnh
385	Phạm Thị Liên	052167011241	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,2490	Vĩnh Thạnh
386	Nguyễn Quốc Liễu	052082017850	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,0520	Vĩnh Thạnh
387	Trần Văn Mừng	052068002434	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1395	Vĩnh Ân
388	Đặng Văn Nam	052086014894	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,0800	Vĩnh Thạnh
389	Phạm Thị Năm	052155006799	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,0610	Vĩnh Thạnh
390	Nguyễn Thị Năng	052158001202	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1400	Vĩnh Thạnh
391	Nguyễn Thị Nay	052166001884	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,2150	Vĩnh Thạnh
392	Nguyễn Thị Ngà	052179005595	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,0500	Vĩnh Ân
393	Phan Thị Nghiệp	052174011154	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,0520	Vĩnh Thạnh

STT	Họ và tên		Số CCCD	Địa chỉ sản xuất	Diện tích tham gia (ha)	Tục danh xứ đồng
394	Phạm Thành	Nhân	052055001268	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,2651	Vĩnh Thạnh
395	Tạ Thị	Nhiều	052152003210	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,3832	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Ân
396	Trương Quang	Phi	052071014985	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1180	Vĩnh Thạnh
397	Phạm Minh P	Phong	052063013912	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1835	Vĩnh Thạnh
398	Bùi Long	Phúc	052050008775	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,2140	Vĩnh Ân
399	Bùi Thị	Phượng	052162011344	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1580	Vĩnh Thạnh
400	Bùi Long	Quang	052057008048	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,3925	Vĩnh Thạnh
401	Phan Thị	Quý	052179012997	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,0450	Vĩnh Ân
402	Phan Công	Quyền	052047000645	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,0950	Vĩnh Ân
403	Nguyễn Thị	Quyết	052180015668	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,0910	Vĩnh Ân
404	Nguyễn Đình	Sơn	052068012023	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,3360	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Ân
405	Trần Văn	Tám	052075006565	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1225	Vĩnh Thạnh
406	Nguyễn Thành	Tha	052066028510	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1040	Vĩnh Thạnh
407	Bùi Long	Thạch	052062009978	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1440	Vĩnh Thạnh
408	Trương Quang	Thắm	052043003080	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,2017	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Ân
409	Trương Quang	Thận	052068020526	Đội 5 - Vĩnh Đức	1,2445	Vĩnh Thạnh
410	Nguyễn Thị	Thanh	052160004355	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,3375	Vĩnh Thạnh
411	Nguyễn Thị	Thạnh	052121007888	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,0560	Vĩnh Thạnh
412	Trương Quang	Thê	052052007801	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,2640	Vĩnh Thạnh
413	Nguyễn Thành	Thiệt	052067015369	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1200	Vĩnh Thạnh
414	Nguyễn Đức	Thịnh	052078012880	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1060	Vĩnh Ân
415	Lê Thị	Thu	052170019782	Đội 5 - Vĩnh Đức, Đội 6 - Thanh Lương	0,1635	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Ân, Cổ tự
416	Đặng Văn	Thương	052083018433	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1050	Vĩnh Thạnh
417	Trương Thị	Thương	052171014691	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,2580	Vĩnh Thạnh
418	Trần Thị	Thủy	052175008620	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,2395	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Ân
419	Nguyễn Thị	Thúy	052181002840	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1240	Vĩnh Thạnh
420	Phan Đình	Tín	052067008682	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1890	Vĩnh Thạnh
421	Bùi Long	Tính	052079027457	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,0950	Vĩnh Ân
422	Trương Văn	Tri	052075007011	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1360	Vĩnh Ân

STT	Họ và tên		Số CCCD	Địa chỉ sản xuất	Diện tích tham gia (ha)	Tục danh xứ đồng
423	Trương Quang	Trợ	052049000526	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,0700	Vĩnh Ân
424	Đặng Thị	Tròn	052132005225	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,2775	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Ân
425	Nguyễn Đình	Trung	052068022201	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1090	Vĩnh Thạnh
426	Nguyễn Thành	Trung	052079032018	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,2680	Vĩnh Thạnh
427	Trương Quang	Trung	052070005076	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,0890	Vĩnh Ân
428	Nguyễn Công	Tứ	052062010305	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,2325	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Ân
429	Lê Hữu	Tuấn	052074012094	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1550	Vĩnh Thạnh
430	Trương Quang	Tường	052056003858	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,2550	Vĩnh Thạnh, Vĩnh Ân
431	Phan Đình	Tý	052069016965	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,3365	Vĩnh Ân, Vĩnh Thạnh
432	Trương Thị	Vân	052163013217	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,1040	Vĩnh Thạnh
433	Sử Văn	Xuân	052050007151	Đội 5 - Vĩnh Đức	0,2280	Vĩnh Ân, Vĩnh Thạnh
434	Huỳnh	Á	052036002620	Đội 6 - Thanh Lương	0,2210	Cổ tự
435	Cao Thị	Ai	052149002498	Đội 6 - Thanh Lương	0,1080	Cổ tự
436	Phạm Văn	Bằng	052054011112	Đội 6 - Thanh Lương	0,2335	Cổ tự
437	Lê Xuân	Bình	052052005125	Đội 6 - Thanh Lương	0,3765	Cổ tự
438	Cao Thanh	Bình	052068020282	Đội 6 - Thanh Lương	0,1860	Cổ tự
439	Huỳnh Ngọc	Bình	052066018924	Đội 6 - Thanh Lương	0,1130	Cổ tự
440	Nguyễn Văn	Cần	052055009502	Đội 6 - Thanh Lương	0,2500	Cổ tự
441	Phạm Minh	Chi	052077002612	Đội 6 - Thanh Lương, Đội 8 - Năng An	3,3605	Đồng cạn, Thầy Ngô
442	Nguyễn Thị	Chính	052145005474	Đội 6 - Thanh Lương	0,2200	Cổ tự
443	Nguyễn Thành	Chúc	052035002273	Đội 6 - Thanh Lương	0,1710	Cổ tự
444	Nguyễn Văn	Cư	052065016489	Đội 6 - Thanh Lương	0,1210	Cổ tự
445	Huỳnh Văn	Cường	052052003343	Đội 6 - Thanh Lương	0,0700	Cổ tự
446	Huỳnh Thị	Đi	052142007468	Đội 6 - Thanh Lương	0,1915	Cổ tự
447	Phạm Ngọc	Đức	052055007518	Đội 6 - Thanh Lương	0,2475	Cổ tự

STT	Họ và tên		Số CCCD	Địa chỉ sản xuất	Diện tích tham gia (ha)	Tục danh xứ đồng
448	Huỳnh Ngọc	Dũng	052076012837	Đội 6 - Thanh Lương	0,0430	Cổ tự
449	Lê Thành	Dương	052055009548	Đội 6 - Thanh Lương	0,3330	Cổ tự
450	Lê Thị	Gái	052168017757	Đội 6 - Thanh Lương	0,1455	Cổ tự
451	Trần Thị	Hạ	052157007068	Đội 6 - Thanh Lương	0,0670	Cổ tự
452	Phạm Hồng	Hải	052085055701	Đội 6 - Thanh Lương	0,0530	Cổ tự
453	Đào Văn	Hải	052070021343	Đội 6 - Thanh Lương	0,4050	Cổ tự
454	Lê Văn	Hải	052076005205	Đội 6 - Thanh Lương	0,1300	Cổ tự
455	Trần Quốc	Hận	052064011319	Đội 6 - Thanh Lương	0,1605	Cổ tự
456	Trần Thị	Hạnh	052169011962	Đội 6 - Thanh Lương	0,0360	Cổ tự
457	Nguyễn Văn	Hiếu	052078002363	Đội 6 - Thanh Lương	0,0520	Cổ tự
458	Nguyễn Thị	Hoa	052147001851	Đội 6 - Thanh Lương	0,0255	Cổ tự
459	Đinh Xuân	Hoàng	052067005609	Đội 6 - Thanh Lương	0,2925	Cổ tự
460	Nguyễn Thị	Huân	052137004653	Đội 6 - Thanh Lương	0,0430	Cổ tự
461	Đào Thanh	Hùng	052052008915	Đội 6 - Thanh Lương	0,0820	Cổ tự
462	Võ Thị	Hương	052153007471	Đội 6 - Thanh Lương	0,1310	Cổ tự
463	Nguyễn Thị	Hữu	052155014108	Đội 6 - Thanh Lương	0,1125	Cổ tự
464	Đào Tuấn	Kiệt	052084014242	Đội 6 - Thanh Lương	0,1145	Cổ tự
465	Nguyễn Thị	Lạc	052168014265	Đội 6 - Thanh Lương	0,3018	Cổ tự
466	Phạm Thị	Liên	052149008297	Đội 6 - Thanh Lương	0,1315	Cổ tự
467	Nguyễn Thị	Liên	052168018636	Đội 6 - Thanh Lương	0,0820	Cổ tự
468	Cao Thị	Loan	052153007937	Đội 6 - Thanh Lương	0,1695	Cổ tự
469	Nguyễn Văn	Long	052080012114	Đội 6 - Thanh Lương	0,0510	Cổ tự
470	Phạm Thị	Luận	052170019514	Đội 6 - Thanh Lương	0,1600	Cổ tự
471	Nguyễn Thị	Lưu	052173011889	Đội 6 - Thanh Lương	0,4020	Cổ tự

STT	Họ và tên	Số CCCD	Địa chỉ sản xuất	Diện tích tham gia (ha)	Tục danh xứ đồng
472	Phạm Thị Lý	052173080599	Đội 6 - Thanh Lương	0,0610	Cổ tự
473	Cao Văn Mân	052046002292	Đội 6 - Thanh Lương	0,1085	Cổ tự
474	Lê Văn Mót	052051002944	Đội 6 - Thanh Lương	0,4975	Cổ tự
475	Cao Văn Mỹ	052168020743	Đội 6 - Thanh Lương	0,2860	Cổ tự
476	Cao Thị Mỹ	052159005526	Đội 6 - Thanh Lương	0,3255	Cổ tự
477	Đặng Thị Nga	052172027890	Đội 6 - Thanh Lương	0,1930	Cổ tự
478	Bùi Thị Nhiệm	052172022717	Đội 6 - Thanh Lương	0,2130	Cổ tự
479	Võ Thị Nương	052177018024	Đội 6 - Thanh Lương	0,0700	Cổ tự
480	Nguyễn Thành Phận	052080018489	Đội 6 - Thanh Lương	0,1920	Cổ tự
481	Huỳnh Văn Phổ	052077010799	Đội 6 - Thanh Lương	0,0435	Cổ tự
482	Đặng Thị Phúc	052165005612	Đội 6 - Thanh Lương	0,1280	Cổ tự
483	Trương Quang Phương	052065016755	Đội 6 - Thanh Lương	0,1250	Cổ tự
484	Trần Văn Quang	052072009421	Đội 6 - Thanh Lương	0,0976	Cổ tự
485	Huỳnh Minh Quang	052068014115	Đội 6 - Thanh Lương	0,2175	Cổ tự
486	Huỳnh Công Sanh	052044003789	Đội 6 - Thanh Lương	0,1440	Cổ tự
487	Phạm Hồng Sơn	052081014941	Đội 6 - Thanh Lương	0,0530	Cổ tự
488	Võ Minh Sơn	052145005173	Đội 6 - Thanh Lương	0,2195	Cổ tự
489	Đặng Lê Tài	052087013164	Đội 6 - Thanh Lương	0,1440	Cổ tự
490	Cao Văn Tâm	052063020611	Đội 6 - Thanh Lương	0,1620	Cổ tự
491	Cao Đức Tân	052074021751	Đội 6 - Thanh Lương	0,2495	Cổ tự
492	Nguyễn Ngọc Tân	052056008349	Đội 6 - Thanh Lương	0,0800	Cổ tự
493	Huỳnh Văn Tấn	052078015671	Đội 6 - Thanh Lương	0,2429	Cổ tự
494	Cao Văn Tàu	052073015358	Đội 6 - Thanh Lương	0,0485	Cổ tự
495	Huỳnh Văn Thanh	052070019751	Đội 6 - Thanh Lương	0,2100	Cổ tự

STT	Họ và tên	Số CCCD	Địa chỉ sản xuất	Diện tích tham gia (ha)	Tục danh xứ đồng
496	Đào Thị Thành	052166008786	Đội 6 - Thanh Lương	0,1450	Cổ tự
497	Cao Thị Tho	052171004245	Đội 6 - Thanh Lương	0,0500	Cổ tự
498	Nguyễn Thị Thom	052157011821	Đội 6 - Thanh Lương	0,1560	Cổ tự
499	Huỳnh Thị Thuê	052180004504	Đội 6 - Thanh Lương	0,0485	Cổ tự
500	Đặng Văn Thương	052083018133	Đội 6 - Thanh Lương	0,0900	Cổ tự
501	Nguyễn Hồng Thương	052084015845	Đội 6 - Thanh Lương	0,0360	Cổ tự
502	Trần Thị Tiến	052170008576	Đội 6 - Thanh Lương	0,4075	Cổ tự
503	Bùi Long Tín	052074018431	Đội 6 - Thanh Lương	0,3170	Cổ tự
504	Nguyễn Bá Tình	052054006110	Đội 6 - Thanh Lương	0,3615	Cổ tự
505	Huỳnh Thị Trang	052163008026	Đội 6 - Thanh Lương	0,0980	Cổ tự
506	Nguyễn Thị Trang	052170021790	Đội 6 - Thanh Lương	0,2075	Cổ tự
507	Nguyễn Thanh Trúc	052057009767	Đội 6 - Thanh Lương	0,1520	Cổ tự
508	Nguyễn Thanh Tú	052075015842	Đội 6 - Thanh Lương	0,0915	Cổ tự
509	Cao Thị Tứ	052160013008	Đội 6 - Thanh Lương	0,1090	Cổ tự
510	Nguyễn Đình Tự	052072015217	Đội 6 - Thanh Lương, Đội 8- Năng An	0,3040	Cổ tự, Ruộng gò
511	Lê Hồng Tuấn	052066026831	Đội 6 - Thanh Lương	0,1100	Cổ tự
512	Huỳnh Văn Tuấn	052072005962	Đội 6 - Thanh Lương	0,1980	Cổ tự
513	Nguyễn Văn Tuất	052075007037	Đội 6 - Thanh Lương	0,2700	Cổ tự
514	Nguyễn Mạnh Tùng	052084019681	Đội 6 - Thanh Lương	0,2275	Cổ tự
515	Nguyễn Thị Tường	052151007889	Đội 6 - Thanh Lương	0,2815	Cổ tự
516	Đào Văn Tường	052072011276	Đội 6 - Thanh Lương	0,3150	Cổ tự
517	Đặng Thị Bích Vân	052153011098	Đội 6 - Thanh Lương	0,1140	Cổ tự
518	Đặng Nhật Việt	052069018510	Đội 6 - Thanh Lương	0,0730	Cổ tự

STT	Họ và tên	Số CCCD	Địa chỉ sản xuất	Diện tích tham gia (ha)	Tục danh xứ đồng
519	Nguyễn Văn Vinh	052076018756	Đội 6 - Thanh Lương	0,1870	Cỏ tự
520	Võ Minh Xuân	052074015535	Đội 6 - Thanh Lương	0,1830	Cỏ tự
521	Nguyễn Thanh Xuân	052061003620	Đội 6 - Thanh Lương	0,0385	Cỏ tự
522	Phạm Minh An	052050005025	Đội 8 - Năng An	0,1780	Ruộng gò
523	Hồ Văn An	052076004618	Đội 8 - Năng An	0,0640	Cây Tra
524	Phạm Minh Ân	052049002154	Đội 8 - Năng An	0,1780	Cây Tra
525	Đỗ Xuân Anh	052072003169	Đội 8 - Năng An	0,1375	Ruộng gò
526	Đặng Thị Bep	046183009863	Đội 8 - Năng An	0,0725	Thầy ngô
527	Phạm Minh Bình	052069018366	Đội 8 - Năng An	0,1140	Cây Tra
528	Hồ Văn Chung	052066002611	Đội 8 - Năng An	0,2615	Thầy Ngô, Cây tra
529	Nguyễn Văn Cư	052076005379	Đội 8 - Năng An	0,0420	Ruộng gò
530	Đỗ Xuân Danh	052063013761	Đội 8 - Năng An	0,1445	Ruộng gò
531	Nguyễn Thị Danh	052169002632	Đội 8 - Năng An	0,0720	Ruộng gò
532	Lê Công Danh	052060014402	Đội 8 - Năng An	0,1195	Cây Tra
533	Văn Công Đễ	052062006677	Đội 8 - Năng An	0,2785	Cây Tra, Thầy ngô
534	Dương Thị Diệu	052176012102	Đội 8 - Năng An	0,1790	Ruộng gò
535	Đỗ Văn Đông	052069002061	Đội 8 - Năng An	0,0767	Ruộng gò
536	Lê Công Đường	052066002040	Đội 8 - Năng An	0,1123	Ruộng gò
537	Trần Minh Gọn	052045002763	Đội 8 - Năng An	0,1400	Cây Tra
538	Nguyễn Thị Hai	052175002067	Đội 8 - Năng An	0,1298	Ruộng gò, Cây tra
539	Nguyễn Thị Hải	054180007822	Đội 8 - Năng An	0,0735	Cây Tra
540	Võ Xuân Hậu	215120713	Đội 8 - Năng An	0,1450	Cây Tra
541	Võ Xuân Hòa	052068017335	Đội 8 - Năng An	0,3265	Ruộng gò, Phần cái, ruộng lớn, cây tra
542	Nguyễn Ngọc Hoàng	052054007217	Đội 8 - Năng An	0,0970	Ruộng gò
543	Nguyễn Văn Huê	052075008583	Đội 8 - Năng An	0,0780	Ruộng gò
544	Đào Thị Hường	052167016750	Đội 8 - Năng An	0,1270	Cây Tra
545	Đỗ Hiệp Hữu	052052006428	Đội 8 - Năng An	0,0500	Ruộng lớn
546	Huỳnh Quang Kính	052052006532	Đội 8 - Năng An	0,1172	Ruộng gò

STT	Họ và tên	Số CCCD	Địa chỉ sản xuất	Diện tích tham gia (ha)	Tục danh xứ đồng
547	Võ Thị Lập	052156010810	Đội 8 - Nắng An	0,2080	Cây Tra
548	Nguyễn Thị Lê	052162002334	Đội 8 - Nắng An	0,0780	Ruộng gò
549	Võ Xuân Long	052070014290	Đội 8 - Nắng An	0,1985	Ruộng gò, Cây tra
550	Lê Phước Miến	052064018050	Đội 8 - Nắng An	0,1695	Phân Cái, Ruộng lớn
551	Phạm Minh Nam	052065002253	Đội 8 - Nắng An	0,1155	Phân Cái, Ruộng lớn
552	Nguyễn Thanh Nhân	052077021953	Đội 8 - Nắng An	0,0955	Cây Tra
553	Đặng Văn Nhân	052060008220	Đội 8 - Nắng An	0,1560	Ruộng gò
554	Lê Công Nhanh	052071013946	Đội 8 - Nắng An	0,1805	Cây Tra, Thầy ngô
555	Trần Niên	052047005571	Đội 8 - Nắng An	0,0720	Cây Tra
556	Lê Thị Nương	052151008210	Đội 8 - Nắng An	0,1600	Ruộng lớn
557	Lê Công Phổ	052052008131	Đội 8 - Nắng An	0,1620	Cây Tra
558	Hồ Văn Phú	052075002079	Đội 8 - Nắng An	0,0800	Ruộng gò
559	Lê Thị Sáu	052151009259	Đội 8 - Nắng An	0,1685	Cây Tra
560	Bùi Ngọc Sơn	052074014624	Đội 8 - Nắng An	0,2165	Phân Cái
561	Trần Thị Sương	052168002836	Đội 8 - Nắng An	0,0660	Ruộng gò
562	Hồ Văn Tài	052064012368	Đội 8 - Nắng An	0,0640	Cây Tra
563	Nguyễn Minh Tám	052063013824	Đội 8 - Nắng An	0,0725	Cây Tra
564	Dương Minh Tạo	052072011536	Đội 8 - Nắng An	0,0610	Ruộng lớn
565	Đỗ Văn Thanh	052064012240	Đội 8 - Nắng An	0,2475	Ruộng gò
566	Huỳnh Thị Thanh	052185018166	Đội 8 - Nắng An	0,1000	Ruộng gò
567	Đào Thị Kim Thoa	052177006013	Đội 8 - Nắng An	0,0615	Cây Tra
568	Lê Công Thủ	052063013985	Đội 8 - Nắng An	0,0620	Thầy ngô
569	Nguyễn Văn Thủy	052075009474	Đội 8 - Nắng An	0,2240	Ruộng gò
570	Võ Thị Tiến	052170005270	Đội 8 - Nắng An	0,1280	Cây Tra
571	Phạm Minh Tín	052075002629	Đội 8 - Nắng An	0,0585	Cây Tra
572	Phạm Minh Tỉnh	052056001189	Đội 8 - Nắng An	0,0920	Cây Tra
573	Lê Công Tới	052073017413	Đội 8 - Nắng An	0,1555	Cây Tra
574	Hồ Văn Triệu	052074002547	Đội 8 - Nắng An	0,0800	Ruộng gò
575	Đỗ Thị Thùy Trinh	052182009338	Đội 8 - Nắng An	0,2060	Cây Tra
576	Hồ Văn Trọng	052057002832	Đội 8 - Nắng An	0,0770	Ruộng gò

STT	Họ và tên	Số CCCD	Địa chỉ sản xuất	Diện tích tham gia (ha)	Tục danh xứ đồng
577	Nguyễn Văn Trung	052082002201	Đội 8 - Năng An	0,0420	Ruộng gò
578	Trần Đình Tuấn	052068002918	Đội 8 - Năng An	0,0800	Cây Tra
579	Trần Đình Vũ	052081002948	Đội 8 - Năng An	0,2650	Phản Cãi, Cây tra
580	Hồ Văn Vui	052072016193	Đội 8 - Năng An	0,1745	Cây Tra
581	Võ Xuân Bài	052056001138	Đội 9 - Năng An	0,2860	Phản cái, Phản cau
582	Lê Công Bảo	052047002679	Đội 9 - Năng An	0,1105	Ruộng lớn
583	Phạm Minh Bích	052066002037	Đội 9 - Năng An	0,1290	Phản cái
584	Nguyễn Thái Bình	052065015774	Đội 9 - Năng An	0,0730	Ruộng lớn
585	Võ Văn Bưởi	052043001966	Đội 9 - Năng An	0,2525	Phản cái, Ruộng lớn
586	Đào Thị Bưởi	052155008690	Đội 9 - Năng An	0,1535	Phản cái
587	Nguyễn Thị Cảnh	052187002998	Đội 9 - Năng An	0,0820	Phản cái
588	Trương Công Danh	052055010360	Đội 9 - Năng An	0,1880	Ruộng lớn
589	Trần Thị Điệp	052194008546	Đội 9 - Năng An	0,2070	Phản cái
590	Hồ Văn Đông	052069014155	Đội 9 - Năng An	0,0840	Phản cái
591	Dương Minh Dũng	052069011244	Đội 9 - Năng An	0,0985	Phản cái
592	Phạm Minh Được	052091001918	Đội 9 - Năng An	0,1250	Ruộng lớn
593	Huỳnh Văn Duyên	052061000989	Đội 9 - Năng An	0,1520	Ruộng lớn
594	Huỳnh Giống	052064002036	Đội 9 - Năng An	0,2867	Ruộng lớn
595	Nguyễn Văn Hà	052070016934	Đội 9 - Năng An	0,1380	Phản cái
596	Nguyễn Thị Hà	052166009007	Đội 9 - Năng An	0,0390	Ruộng lớn
597	Hồ Thị Hận	052155009847	Đội 9 - Năng An	0,1225	Phản cái
598	Võ Thị Hằng	052175005878	Đội 9 - Năng An	0,0970	Ruộng lớn
599	Đỗ Hề	052063001705	Đội 9 - Năng An	0,0825	Phản cau
600	Huỳnh Thị Hồng	052171211660	Đội 9 - Năng An	0,0785	Phản cái
601	Võ Xuân Hùng	052066027679	Đội 9 - Năng An	0,0700	Phản cái
602	Võ Xuân Hùng	052075017161	Đội 9 - Năng An	0,1385	Ruộng lớn, Ruộng gò
603	Võ Thị Hường	052162011158	Đội 9 - Năng An	0,0945	Phản cái
604	Võ Ngọc Khải	052098012073	Đội 9 - Năng An	0,2425	Phản cái, Ruộng lớn
605	Võ Xuân Kỳ	052052000886	Đội 9 - Năng An	0,0949	Ruộng lớn
606	Phạm Minh Lâm	052069002053	Đội 9 - Năng An	0,4225	Phản cái, Cây tra

STT	Họ và tên		Số CCCD	Địa chỉ sản xuất	Diện tích tham gia (ha)	Tục danh xứ đồng
607	Văn Công	Lắm	052070009016	Đội 9 - Năng An	0,1570	Phân cái, Thầy ngơ
608	Hồ Thị	Lan	052153008734	Đội 9 - Năng An	0,1540	Phân cái
609	Nguyễn Văn	Linh	052071007892	Đội 9 - Năng An	0,1285	Phân cái
610	Hà Thúc	Mẫn	052179002499	Đội 9 - Năng An	0,2260	Phân cái, Thầy ngơ
611	Võ thị	Minh	052143002652	Đội 9 - Năng An	0,1975	Phân cái, Ruộng lớn
612	Nguyễn Văn	Nam	052070003301	Đội 9 - Năng An	0,0990	Phân cái
613	Lê Văn	Năm	052066026249	Đội 9 - Năng An	0,0570	Ruộng lớn
614	Văn Công	Ngộ	052069002190	Đội 9 - Năng An	0,0860	Cây tra
615	Phạm Minh	Nhiều	052080001988	Đội 9 - Năng An	0,0900	Phân cái
616	Nguyễn Thanh	Phát	052080009456	Đội 9 - Năng An	0,1700	Phân cau
617	Dương Thanh	Phong	052087007368	Đội 9 - Năng An	0,0730	Ruộng lớn
618	Bùi Xuân	Phước	052056007851	Đội 9 - Năng An	0,2140	Phân cái
619	Văn Thị	Phương	052166002031	Đội 9 - Năng An	0,2030	Ruộng lớn, Ruộng gò
620	Nguyễn Xuân	Quốc	052065013139	Đội 9 - Năng An	0,2115	Phân cái, Phân cau
621	Nguyễn	Sơn	052058001387	Đội 9 - Năng An	0,0580	Phân cái
622	Nguyễn Văn	Sự	052076009846	Đội 9 - Năng An	0,1150	Phân cái
623	Lê Thị	Sương	052169013280	Đội 9 - Năng An	0,1210	Ruộng lớn
624	Đoàn Thị Tuyết	Sương	052185002668	Đội 9 - Năng An	0,0640	Cây tra
625	Bùi Xuân	Tài	052078019981	Đội 9 - Năng An	0,2815	Ruộng lớn, Phân cái
626	Nguyễn Đình	Tám	052156007440	Đội 9 - Năng An	0,2870	Ruộng lớn, Phân cái
627	Nguyễn Xuân	Thành	052072012634	Đội 9 - Năng An	0,1600	Ruộng lớn
628	Trần Thị	Thảo	052182005857	Đội 9 - Năng An	0,2080	Ruộng lớn
629	Nguyễn Văn	Thom	052076011323	Đội 9 - Năng An	0,0735	Phân cái
630	Cao Văn	Toàn	052066002612	Đội 9 - Năng An	0,2685	Phân cái, Ruộng gí
631	Lê Thị	Tôi	052174012437	Đội 9 - Năng An	0,1060	Ruộng lớn
632	Võ Xuân	Tới	052071004563	Đội 9 - Năng An	0,0725	Phân cái, Cây tra
633	Đào Thị	Trang	211596605	Đội 9 - Năng An	0,3130	Phân cái, Cây tra
634	Võ Xuân	Trí	052068002466	Đội 9 - Năng An	0,0720	Ruộng lớn
635	Hoàng Đình	Trọng	052057003606	Đội 9 - Năng An	0,1790	Ruộng lớn, Phân cau

STT	Họ và tên	Số CCCD	Địa chỉ sản xuất	Diện tích tham gia (ha)	Tục danh xứ đồng
636	Trương Thị Vang	052174006017	Đội 9 - Nặng An	0,1555	Phân cái
637	Nguyễn Minh Vự	052068002468	Đội 9 - Nặng An	0,0895	Phân cái
	TỔNG CỘNG			106,556	